

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Bi.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Kim M, sinh năm 1980 (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp T2, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Kim M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Lê Văn L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là huyện T). Cuộc sống hôn nhân của chị và anh L không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L không biết chăm lo

kinh tế gia đình, chỉ lo cờ bạc, thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị M. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì ngày càng trầm trọng, chị M về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh L cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị M yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị M và anh L có 01 con chung tên Lê Trung H, sinh ngày 29/01/2003. Hiện tại cháu H đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị M giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị M không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Kim M.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Trung H, sinh ngày 29/01/2003, cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Kim M yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn L có nơi cư trú tại ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Lê Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh L chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 22/7/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị M và anh L xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Giữa chị M và anh L không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh L không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị M.

Thấy rằng, giữa chị M và anh L không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị M và anh L có 01 con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 29/01/2003. Chị M yêu cầu giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh L trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị M, nhưng anh L không thể hiện nguyện vọng của mình đối với con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”.

Do anh L vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị M về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu H còn nhỏ và đang sống chung với anh L. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao cháu H cho anh L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H là được sống với anh L. Nếu sau này chị M và anh L có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị M trình bày chị không cấp dưỡng nuôi con và anh L cũng không thể hiện yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu anh L có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Kim M, cho chị M được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trung H, sinh ngày 29/01/2003, cho anh Lê Văn L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49391 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị M đã nộp xong án phí.

Anh L không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị M được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm